

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **314/2021/HN-ST**

Ngày: 28/9/2021

V/v “Xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Cẩm Tiên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**

+ Ông **Nguyễn Phúc Viễn**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:* Ông **Dương Văn Nguyễn** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 09 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 158/2021/TLST-HN ngày 19/4/2021 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 8 tháng 06 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2021/QĐST-HN ngày 25 tháng 06 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 10/TB-TA ngày 22 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị A** – sinh năm: 1975 (xin vắng mặt)

Trú tại: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Văn B** - sinh năm 1976 (vắng mặt)

Trú tại: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị A** trình bày: chị và anh **B** sống chung năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không được. Chị và anh **B** ly thân từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh **B**.

- Về con chung: có hai cháu tên **Nguyễn Văn C**, sinh ngày 9/6/1999 đã trưởng thành và **Nguyễn Thị Cẩm D**, sinh ngày 17/6/2008 hiện nay đang sống với chị và anh **B**. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu **D**, không yêu cầu anh **B** cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn B vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị A. Về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Cẩm D, sinh ngày 17/6/2008 cho chị A trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi cháu D. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nợ chung, nợ riêng không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn B sống chung năm 2002 và anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Nay chị A yêu cầu ly hôn với anh B và anh B cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị A có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị A theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[3] Bị đơn anh Nguyễn Văn B mặc dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị A, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về tình cảm: chị A yêu cầu ly hôn với anh B. Nguyên nhân ly hôn chị A trình bày là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cự cãi nhau. Chị và anh B đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được và hiện vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay. Phía anh B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị A, điều này chứng tỏ anh không còn thiết tha gì đến tình cảm vợ chồng cũng như xây dựng hạnh phúc gia đình với chị A, hơn nữa trong thời gian ly thân, anh chị không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với nhau, cho thấy giữa anh chị trong cuộc sống đã có mâu thuẫn xảy ra. Do đó đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị A anh B không thể cùng chung sống để xây dựng gia đình hạnh phúc nên chị A yêu cầu ly hôn với anh B là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: có hai cháu tên Nguyễn Văn C, sinh ngày 9/6/1999 và Nguyễn Thị Cẩm D, sinh ngày 17/6/2008. Cháu C đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ly hôn chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu D. Tại bản tự khai cháu D trình bày là có nguyện vọng sống với mẹ và hiện tại cháu đang sống với chị A. Anh B vắng mặt, không có ý kiến tranh chấp gì đối với yêu cầu được nuôi cháu D nên Hội đồng xét xử giao cháu D cho chị A được tiếp tục nuôi dưỡng

và chăm sóc. Về vấn đề cấp dưỡng: chị A không yêu cầu nên anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: chị A trình bày tự thỏa thuận. không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung, nợ riêng: chị A trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[9] Về án phí: chị A phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị A.

[1] Về tình cảm: chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

[2] Về con chung: cháu Nguyễn Văn C, sinh ngày 9/6/1999 hiện nay đã trưởng thành. Giao cháu Nguyễn Thị Cẩm D, sinh ngày 17/6/2008 cho chị Nguyễn Thị A tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc. Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

[3] Về án phí: chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005010 ngày 8/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo nên chị đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã N;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, án văn;

(đã ký)

Phan Thị Cẩm Tiên